

MÔ HÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC MỸ TRONG KHUNG CẢNH SO SÁNH

Philip G. Altbach

Có một nghịch lý kỳ lạ là trong khi các trường đại học Mỹ bị tấn công bởi những lời phê bình chưa từng có từ trước tới nay ở trong nước thì nó lại được xem là tấm gương để noi theo rất rộng rãi ở nước ngoài. Thật vậy, hệ thống giáo dục đại học (GDDH) Hoa Kỳ đã trở thành “tiêu chuẩn vàng” đối với GDDH trên khắp thế giới, được ngưỡng mộ nhờ vào việc dẫn đầu trong nghiên cứu, trình độ học vấn và tạo cơ hội nhập học cho một số lượng rất lớn sinh viên. Những cải tiến độc đáo kiểu Mỹ như các trường cao đẳng cộng đồng được các chuyên gia nước ngoài nghiên cứu cẩn thận. Các trường đại học Mỹ được nhiều người công nhận là đã phản ứng có hiệu quả trước nhiều thử thách mà GDDH trên khắp thế giới đang phải đối mặt.

Bài viết này sẽ tìm hiểu nguyên nhân làm cho hệ thống GDDH Hoa Kỳ trở nên hấp dẫn đối với các nước khác. Một khung cảnh so sánh có thể cung cấp những hiểu biết sâu sắc bổ ích, và kinh nghiệm từ các nước khác có thể giúp người Mỹ nhận ra những đặc điểm đáng quý trong hệ thống đại học của họ. Các nguyên nhân tạo nên tính ưu việt của nền GDDH Hoa Kỳ vào đầu thế kỷ XXI chẳng có gì là bí mật, và chúng cũng chẳng phải hoàn toàn do tài sáng tạo của những người có trách nhiệm phát triển nền GDDH Hoa Kỳ. Bởi Hoa Kỳ là quốc gia đầu tiên tự cam kết thực hiện nền GDDH

đại chúng và sau đó thực hiện việc nhập học phổ cập nên người Mỹ từ rất sớm đã phải thiết kế một hệ thống GDDH để đào tạo được một số lượng lớn sinh viên. Điều này đã dẫn đến những bước cải tiến như là sự đa dạng về sứ mạng của trường đại học, việc tổ chức các hệ thống GDDH công lập và một thang bậc về chất lượng và tính chọn lọc giữa các trường đại học.

Các bối cảnh lịch sử

Nền đại học Mỹ đã phát triển từ các thực tế lịch sử cụ thể. Tất cả các hệ thống đại học đều là sự kết hợp giữa các truyền thống quốc gia và quốc tế. Mô hình đại học cơ bản là mô hình châu Âu và bắt đầu từ các trường đại học thời Trung cổ ở Paris và Bologna. Đây là các trường tiên thân không chỉ của các trường đại học ở Bắc Mỹ và châu Âu, mà còn ở châu Á và châu Phi. Trong trường hợp Hoa Kỳ, các mô hình đại học sớm nhất, ví dụ như đại học Harvard và Yale, mang tính chất Anh quốc và mô phỏng theo các trường đại học Oxford và Cambridge. Các ý tưởng giáo dục mang tính dân chủ hơn từ Scotland cũng có ảnh hưởng. Các trường đại học đầu tiên của Mỹ phần lớn được định hướng theo tôn giáo và nhằm đào tạo một nhóm nhỏ tinh hoa. Trừ một vài ngoại lệ, như Viện đại học Virginia của Thomas Jefferson, chương trình giáo dục thường là hẹp và rập khuôn cứng nhắc theo kiểu Anh quốc.

Vào cuối thế kỷ XVIII và đầu thế kỷ XIX, GDDH Hoa Kỳ phát triển rất mạnh mẽ trong khi vẫn giữ nguyên định hướng chương trình giảng dạy cơ bản. Các trường đại học cung cấp một chương trình giảng dạy tương đối hẹp, tập trung vào học vấn cổ điển và ngôn ngữ. Nhiều trường đại học mới được thành lập ở các vùng đất vừa chinh phục được của đất nước và chúng là sản phẩm của chủ nghĩa quân bình đang ngày một phát triển của xã hội Mỹ. GDDH không còn là một đặc quyền riêng của giới tinh hoa ở đô thị nữa; giờ đây các giai cấp trung lưu ở các thị trấn mới và vùng nông thôn cũng có thể vào đại học.

Truyền thống lịch sử thứ hai liên quan đến việc ra đời của nền giáo dục đại học trong các thập niên sau Nội chiến: sự phát triển của các viện đại học công lập và sự gắn liền việc nghiên cứu với sự phát triển nông nghiệp và công nghiệp. Được tạo điều kiện bởi *Đạo Luật Morrill năm 1862* cấp một diện tích lớn đất của chính phủ cho từng bang để hỗ trợ GDDH công lập, các trường đại học được cấp đất diện tích lớn ở miền Tây Trung đã tăng trưởng và chiếm vị trí quan trọng trong hệ thống GDDH. Chúng phát triển nhanh chóng và trở thành "các trường đại học đa chức năng" đầu tiên của Mỹ, cung cấp giáo dục truyền thống ở cấp đại học cũng như các khóa đào tạo mở rộng, cung cấp việc hướng dẫn, tư vấn không chính quy và các dịch vụ khác. Các trường đại học được cấp đất đã kết hợp một số ý tưởng chủ yếu trong nền GDDH Hoa Kỳ: khái niệm trực tiếp phục vụ xã hội, ý tưởng truyền thống về học vấn nhân văn tự do, và nhấn mạnh về nghiên cứu như một phần quan trọng của hoạt động học thuật.

Việc xác lập hoạt động nghiên cứu trở thành bộ phận của GDDH Hoa Kỳ là một bước phát triển quan trọng của những năm đầu thế kỷ XX. Về phương diện này, hệ thống GDDH Hoa Kỳ đã học tập mô hình của Đức, du nhập các khái niệm của Đức về nghiên cứu hàn lâm và phát triển ý tưởng của Đức về quyền tự do học thuật. Các trường đại học của Đức không nhấn mạnh các nghiên cứu "thuần túy" mà phấn đấu để các công trình nghiên cứu của họ gắn liền với sự phát triển của nước Đức với tư cách là một cường quốc về công nghiệp và khoa học. Vào nửa sau của thế kỷ XIX, nhiều người Mỹ đã du học sang Đức để được đào tạo tiến sĩ và lúc trở về Mỹ đã thấm nhuần tầm quan trọng của nghiên cứu với tư cách là một bộ phận không thể tách rời của viện đại học.

Mô hình đại học Mỹ hiện đại được hình thành nên từ ba mối ảnh hưởng này mà hai trong số đó là từ nước ngoài: truyền thống giáo dục nhân văn tự do của Anh quốc, khái niệm nghiên cứu của Đức và ý tưởng phục vụ cho bang được thể hiện bởi các trường đại học được cấp đất. Ngày nay, các trường đại học hàng đầu của Mỹ kết hợp các yếu tố này rất có hiệu quả. Sự phát triển lịch sử của hệ thống GDDH Hoa Kỳ đã minh họa một số điểm quan trọng. Hệ thống GDDH Mỹ là tác phẩm của một số ảnh hưởng từ nước ngoài đã hòa vào bối cảnh xã hội Mỹ sau một thời gian dài. Theo dòng lịch sử, GDDH Hoa Kỳ đã chứng tỏ khả năng thích nghi rất đáng chú ý của nó. Từng bước một, nó đã có thể đảm trách thêm các chức năng mới để đáp ứng các nhu cầu của xã hội. Một mạng lưới phức tạp các trường đại học cấu thành hệ thống giáo dục sau trung học của Mỹ chính

là một biểu hiện về tính thích nghi của hệ thống giáo dục này.

Xã hội và trường đại học

Truyền thống của Mỹ về sáng kiến tư nhân đã ảnh hưởng lên nền GDDH ngay từ buổi khởi đầu. Các trường đại học ra đời sớm nhất là đại học tư, mặc dù cần phải nhớ rằng nhiều trường trong số này đã nhận được tài trợ của công ngay lúc mới thành lập, ví dụ như đại học Harvard. Ngày nay, các quỹ công được cấp cho các trường đại học tư để phục vụ hoạt động nghiên cứu thông qua các chương trình trợ cấp không hoàn lại và cho vay được chính phủ hỗ trợ và bằng nhiều cách thức khác nữa. Những xung lực về tôn giáo cũng đóng một vai trò rất lớn trong sự phát triển vào những năm đầu tiên của nền GDDH Hoa Kỳ - và trong sự mở rộng các trường đại học về phía Tây vào cuối thế kỷ XVII và đầu thế kỷ XIX.

Do hệ thống giáo dục Mỹ có nguồn gốc tư nhân, sinh viên và gia đình họ đã quen với việc trả học phí học đại học. Điều này ngược với tình trạng ở các nước mà nền GDDH công hoàn toàn do nhà nước tài trợ. Mặc dù nhà nước có truyền thống tài trợ phần lớn chi phí giáo dục ở các trường đại học công lập, các trường đại học Mỹ, cả công và tư, bao giờ cũng thu học phí.

Hiến pháp Hoa Kỳ trao cho các bang trách nhiệm cơ bản về giáo dục và điều đó đã tạo ra một sự liên kết chặt chẽ hơn giữa các trường đại học và chính quyền. Do chính sách và việc cấp kinh phí đều mang tính phi tập trung, các nhà làm chính sách có thể phản ứng nhanh chóng đối với các nhu cầu trong khu vực cũng như ở từng địa phương và thực hiện những thay đổi ở các trường đại học. Ở nhiều nước khác, các hệ thống GDDH mang

tính tập trung cao và nặng tính quan liêu nên chúng rất khó thay đổi và khá thiếu linh hoạt khi phải đối mặt với các hoàn cảnh mới.

Tính không hệ thống của nền giáo dục đại học Hoa Kỳ

Người Mỹ thường xem quy mô, tính đa dạng và phức tạp trong hệ thống GDDH của họ là một điều hiển nhiên. Hoa Kỳ đã đi tiên phong với một ý tưởng cách mạng rằng hệ thống giáo dục sau trung học có thể, và nên, cung cấp một nền giáo dục và đào tạo thực sự ở mọi lĩnh vực. Hệ thống GDDH của đất nước này là một ngọn cờ đầu về chất lượng, và đồng thời nó cũng phấn đấu để cung cấp một nền dự bị đại học trong phạm vi rộng nhất có thể có. Nền GDDH Hoa Kỳ thường bị phê bình vì thiếu sự định hướng và tính tập trung, vậy nhưng tính đa dạng và khác biệt lại vốn là những nguyên tắc tổ chức trọng tâm của hệ thống này.

Sự bảo trợ, quản lý và cấp kinh phí cho hệ thống GDDH Hoa Kỳ xuất phát từ nhiều nguồn khác nhau. Trong khi nhiều nhà phê bình vạch lỗi của hệ thống này là trùng lặp và thiếu sự phối hợp thì, về một nghĩa nào đó, chính những đặc tính này lại có thể tạo nên sức mạnh, đặc biệt khi so sánh với các cách tổ chức mang tính tập trung hóa và quan liêu cao ở các nước khác. Một tình trạng lộn xộn đầy tính sáng tạo (creative confusion) là đặc trưng cho phần lớn hệ thống GDDH Hoa Kỳ. Đại học tư, đào tạo 20% số sinh viên, gồm các loại được trải rộng từ một số viện đại học có uy tín nhất cho đến các trường nhỏ phải đấu tranh để tồn tại trên thị trường giáo dục. Ngân sách của chính phủ hỗ trợ cho các trường đại học tư thông qua các chương trình cho sinh viên

vay, tài trợ không hoàn lại cho nghiên cứu và các chương trình tương tự. Nhìn chung, tài trợ của chính phủ dành cho nghiên cứu được cung cấp cho các dự án cụ thể trên cơ sở cạnh tranh hơn là được cấp trực tiếp đến các khoa hay các viện đại học như là một quyền lợi đương nhiên được hưởng. Các viện đại học bang nhấn mạnh việc tìm các nguồn kinh phí từ các nhà tài trợ tư nhân, gắn liền với các công ty tư nhân, và các quan hệ đối tác công-tư khác. Về một số phương diện, ngày càng ít có sự phân biệt giữa các trường đại học công và tư, một xu hướng cũng có thể quan sát được ở các nước khác.

Mặc dù có tính đa dạng như thế, nhưng vẫn tồn tại một hệ thống cấp bậc rõ ràng trong hệ thống GDDH của Mỹ, trong đó các viện đại học nghiên cứu được xếp ở vị trí đầu bảng. Các đơn vị nghiên cứu được tổ chức cho phép các viện đại học tập trung vào các ý tưởng nghiên cứu mới và thường mang tính liên ngành, nhưng đồng thời vẫn có các cơ cấu khoa nòng cốt dựa trên các chuyên ngành. Các viện đại học nghiên cứu thường tìm cách để kết hợp thành công nghiên cứu cơ bản và nghiên cứu chuyên ngành. Việc cải tiến về tổ chức theo kiểu Mỹ như vậy là chìa khóa để thúc đẩy các nghiên cứu liên ngành nhưng đồng thời cũng bảo vệ các chuyên ngành học thuật truyền thống. Một số người cho rằng, hiện nay, mô hình viện đại học nghiên cứu đang thống trị nền GDDH Hoa Kỳ. Thậm chí, các trường đại học ban đầu không phải là trường nghiên cứu cũng đang tập trung quá nhiều vào nghiên cứu, và các chính sách khuyến khích phát triển ở các trường chủ yếu có chức năng giảng dạy cũng nhấn mạnh đến nghiên cứu quá nhiều. Việc nhấn mạnh này chính

là sự công nhận rằng các viện đại học nghiên cứu đã thiết lập nên tiêu chuẩn vàng của nền GDDH Hoa Kỳ. Vậy nhưng sự thật là phần lớn các trường đại học Mỹ đều tập trung nhiều cho chức năng giảng dạy, và nghiên cứu chỉ chiếm một phần khiêm tốn trong sứ mệnh của họ.

Một loại hình quan trọng thứ hai của trường đại học là các trường khoa học và nhân văn cấp đại học. Các trường này cũng xếp hạng từ một số trường có uy tín nhất và có tính cạnh tranh cao về giảng dạy trong cả nước cho đến một số lớn các trường 4 năm trong cả khu vực công và tư, đào tạo số lượng rất lớn sinh viên nhưng lại không có kỳ vọng đạt đến sự nổi tiếng. Chúng cung cấp một nền giáo dục cơ bản về các môn nhân văn tự do và một vài chuyên ngành trong một ngành học định hướng học thuật hoặc đào tạo nghề vào cuối chương trình giảng dạy 4 năm. Một số trong các trường đại học này, đặc biệt thuộc khu vực công lập, cũng cung cấp một số lượng hạn chế các chương trình sau đại học, tiêu biểu là ở cấp thạc sĩ. Các trường có uy tín hơn trong số các trường nhân văn tự do này chính là các trường thừa kế truyền thống giáo dục tự do trong nền GDDH Hoa Kỳ. Cho dù có sự khác nhau đáng kể về uy tín, chất lượng và sự bảo trợ, các trường này đều có một sự thống nhất cao trong định hướng của chúng về một nền giáo dục đại cương, coi trọng việc giảng dạy, và cung cấp một môi trường ngoại khóa hấp dẫn.

Một mảng quan trọng thứ ba trong hệ thống GDDH là các trường cao đẳng cộng đồng, một loại trường bắt nguồn trực tiếp từ cam kết của Hoa Kỳ về việc "mở cửa" vào GDDH. Khu vực cao đẳng cộng đồng tuyển 1/3 tổng số sinh viên sau trung học. Chương trình giảng dạy

của chúng đa dạng, nhấn mạnh đến việc đào tạo ứng dụng và nghề nghiệp trong các lĩnh vực như xử lý dữ liệu, quản lý nhà hàng, xử lý kim loại, cơ khí ô tô... là những ngành trực tiếp dẫn đến việc làm. Hầu hết các trường cao đẳng cộng đồng cũng cung cấp các khóa học về giáo dục đại cương, một mặt để giảng dạy về giáo dục đại cương cho sinh viên theo hướng nghề nghiệp, mặt khác đóng vai trò một chương trình "chuyển tiếp" dành cho các sinh viên muốn học để lấy bằng cử nhân ở các viện đại học hoặc các trường đại học nhân văn tự do 4 năm.

Cao đẳng cộng đồng cung cấp sự nhập học mở hoàn toàn cho bất cứ ai đã hoàn thành xong chương trình trung học phổ thông muốn nhập học. Nói chung không có các kỳ thi tuyển sinh vào cao đẳng cộng đồng, và, ngoại trừ một số lĩnh vực mà xã hội có nhu cầu cao, có rất ít sự cạnh tranh để được tuyển vào trường. Một trong những mục đích chính của cao đẳng cộng đồng là cung cấp các biện pháp cơ động về xã hội và nghề nghiệp cho những thành phần dân chúng có hoàn cảnh sống không thuận lợi. Cao đẳng cộng đồng cũng dành cho mọi cá nhân ở đủ mọi lứa tuổi.

Một mảng của GDDH Hoa Kỳ mà trước đây thường ít được chú ý tới nhưng đang trở thành rất nổi bật trong thời gian gần đây ở Mỹ và ở nước ngoài là khu vực giáo dục "vì lợi nhuận" - các trường được thiết kế để kiếm lợi nhuận cho những người sở hữu chúng. Tình trạng nổi bật mới đây của khu vực này liên quan đến sự "tư nhân hóa" GDDH nói chung, và "thị trường hoá" và thương phẩm hóa GDDH trong xã hội.

GDDH Hoa Kỳ là rất đa dạng. Trong khi có áp lực đòi hỏi phải tăng cường trách nhiệm xã hội, tạo nên sự đồng

nhất trong khu vực GDDH công lập và phải có một hệ thống cấp bậc rõ ràng giữa các trường đại học và các khu vực giáo dục, thì tính "không hệ thống" của nền GDDH Hoa Kỳ vẫn có thể thích ứng tốt với các hoàn cảnh mới.

Sự phù hợp của mô hình Mỹ

Cộng đồng các học giả và công tác quản trị

Tổ chức nội bộ của các trường đại học Mỹ được dựa trên ý tưởng của một cộng đồng các học giả và trách nhiệm quản trị được chia sẻ. Đơn vị cơ bản được thành lập để quản trị là khoa (department), được mô phỏng và biến đổi cho thích nghi từ hệ thống "ghế giáo sư" (chair) của châu Âu, trong đó một vị giáo sư có thâm niên sẽ đứng đầu một ngành học hay một lĩnh vực nghiên cứu. Còn khoa, ngược lại, được dựa trên một tiền đề rằng tất cả các thành viên của đội ngũ giáo chức trong một ngành học đều bình đẳng. Tất cả mọi thành viên trong khoa đều có quyền biểu quyết đối với các chương trình khóa học, chương trình giảng dạy, đội ngũ giáo chức và các vấn đề khác. Cấu trúc khoa mang tính dân chủ này đã ảnh hưởng đến các bộ phận quản trị khác (hội đồng trường, hội đồng giáo chức và các bộ phận tương tự). So với hệ thống tương tự ở hầu hết các nước khác, các khoa chuyên môn của Mỹ chấp nhận một mức độ dân chủ cao khác thường đối với đội ngũ giáo chức ở đủ mọi cấp bậc.

Một cách tổ chức khác tạo nên sự linh hoạt và khuyến khích các hoạt động liên ngành ở nhiều trường đại học nghiên cứu. Đơn vị tổ chức nghiên cứu (organized research unit - ORU) được tổ chức một cách đặc thù xung quanh lĩnh vực nghiên cứu (ví dụ như nghiên cứu môi trường hay công nghệ thông tin) mà đội ngũ giáo chức hay nhà

trường quan tâm đến. Đơn vị tổ chức nghiên cứu thu hút giáo chức và các nhà nghiên cứu từ các khoa khác nhau để cùng giải quyết một đề tài trọng điểm. Nó không được xem là một bộ phận cố định của trường đại học và có thể bị giải thể nếu các mối quan tâm của cộng đồng học thuật thay đổi hay nguồn cấp kinh phí bị ngừng lại. Đơn vị tổ chức nghiên cứu là một cải tiến đặc thù của Mỹ, đảm bảo được tính ổn định trong cấu trúc tổ chức cơ bản của viện đại học trong khi đồng thời cho phép tiến hành các công việc mang tính đổi mới và kinh doanh.

Cách tổ chức giảng dạy đại học Mỹ cũng phục vụ tốt cho nền GDDH. Nó linh hoạt hơn nhiều so với ở nhiều nước khác. Thời gian tập sự cho giáo sư Mỹ thường là dài và cách đánh giá là cực kỳ nghiêm ngặt. Chính sách "thăng cấp hoặc loại trừ sau 6 năm tập sự" dành cho các trợ lý giáo sư - một quy tắc tiêu chuẩn ở Mỹ trong gần một thế kỷ - có tính chất bao quát và triệt để hơn so với chính sách thăng cấp ở hầu hết các nước khác. Sự đánh giá nghiêm ngặt ở thời điểm bổ nhiệm vào ngạch thâm niên và những đánh giá sau đó để phong hàm giáo sư thực thụ đã tạo nên trách nhiệm xã hội trong hệ thống GDDH Hoa Kỳ. Trong một vài năm qua đã có nhiều yêu cầu chấm dứt hệ thống bổ nhiệm và nó gây nhiều tranh cãi do áp lực đòi hỏi cần phải có một cách quản lý "hiệu quả" hơn và linh hoạt hơn. Mô hình hiện nay là tuyển dụng nhiều hơn đội ngũ giảng dạy bán thời gian, số này hiện đang chiếm 40% giáo chức, và nhiều hơn các giáo chức toàn thời gian nhưng không theo ngạch bổ nhiệm.

Trong mô hình truyền thống của châu Âu, một giáo chức trẻ được tuyển dụng thường với sự mặc nhận rằng sau một vài năm "bổ nhiệm tập sự"

thì việc nhận vào biên chế chính thức sẽ diễn ra khá tự động. Cũng giống như vậy, ở Nhật Bản, tất cả những người được tuyển dụng ở cấp thấp nhất đều kỳ vọng có một công việc ổn định lâu dài. Những thực tế này ít linh hoạt hơn nhiều so với hệ thống truyền thống của Mỹ. Có nhiều mô hình bổ nhiệm chức danh khoa học trên khắp thế giới, bao gồm cả hệ thống ghế giáo sư kiểu Đức - vẫn còn được áp dụng ở Nhật Bản và trên một mức độ nào đó tại một số nước ở châu Âu - là mô hình đặc chỉ một giáo sư thực thụ vĩnh viễn ở vị trí hàng đầu của một hệ thống cấp bậc về học thuật và vì vậy sẽ cản trở các giáo chức khác được thăng cấp lên hàng giáo sư. Ở Argentina và một số nước khác thuộc châu Mỹ Latinh, các giáo sư phải "giao tranh" với nhau giành việc làm cứ khoảng 5 năm một lần trong một hệ thống không hoạt động có hiệu quả mà cũng không có được sự đảm bảo cho đội ngũ giáo chức. Nhiều nước khác đã học tập mô hình Mỹ để tổ chức lại đội ngũ giáo sư của họ.

Một khung cán bộ quản lý nông cốt

Để quản lý các trường đại học rất lớn, một lực lượng cán bộ quản lý chuyên nghiệp có trách nhiệm điều hành công việc hàng ngày của trường đại học đã được xây dựng và phát triển. Đội ngũ nông cốt này được phân chia phụ trách những chuyên môn nhỏ phục vụ những nhu cầu cụ thể. Các trường đại học Mỹ là nơi đầu tiên thiết lập nên nghề quản lý GDDH. Trong khi sự xuất hiện nghề này còn gây nhiều tranh cãi thì cho đến nay nó đã được xác lập tốt và rất cần thiết để mang lại một sự điều hành có hiệu quả các trường đại học và các hệ thống lớn. Đội ngũ cán bộ quản lý này đã quản lý một cách có hiệu quả các

trường đại học Mỹ trong một môi trường chịu trách nhiệm giải trình. Nhiều người cho rằng cán cân quyền lực ở nhiều trường đại học đã chuyển từ đội ngũ giáo chức sang các nhà quản lý. Sự khái quát hóa này là khá đúng, nhưng tình hình cũng thay đổi tùy theo vị thế và truyền thống của từng trường, các trường đại học có uy tín cao vẫn giữ được “quyền lực của đội ngũ giáo chức” nhiều hơn so với các trường ở cấp thấp hơn.

Mở rộng chương trình đào tạo

Mô hình đại học truyền thống của châu Âu có chương trình đào tạo giới hạn rất hẹp và một hệ tư tưởng quy định vai trò tương đối hẹp của các trường đại học. Trong suốt thế kỷ XX, để đáp ứng sự thay đổi của nhu cầu xã hội, các trường đại học Mỹ đã bổ sung các chuyên môn mới, cung cấp các chương trình đào tạo và các phương hướng nghiên cứu mới. Một số người cho rằng GDDH đã đi quá xa trong việc đáp ứng các yêu cầu ngoài xã hội với việc trả giá bằng nền giáo dục tự do.

Nghiên cứu và nghề giảng dạy đại học

Nghiên cứu là một dấu hiệu xác nhận chất lượng của hệ thống giáo dục Mỹ trong hơn một thế kỷ. Không phải tất cả các trường đại học Mỹ đều được thu hút trực tiếp vào hoạt động nghiên cứu. Nhiều giáo sư không có nhiều công trình nghiên cứu. Các trường đại học nhân văn tự do, ngoại trừ một số ít trường có uy tín nhất, không trông chờ đội ngũ giáo chức của họ có nhiều công trình nghiên cứu. Đa số các trường đại học công lập ở cấp trung bình trong hệ thống các trường đại học Mỹ cũng đóng góp tương đối ít công trình nghiên cứu. Hiện nay, có nhiều tranh cãi về vai trò của nghiên cứu trong GDDH Hoa Kỳ. Cuốn sách

gây nhiều ảnh hưởng của Ernest Boyer *Cần xem xét lại khái niệm học vấn (Scholarship Reconsidered)* đã phát biểu ý kiến phê bình này và ủng hộ một định nghĩa rộng hơn về khái niệm học vấn với việc coi trọng hơn về công tác giảng dạy. Hệ thống giáo dục Mỹ đang ở trong quá trình nhấn mạnh hơn vai trò giảng dạy. Nghiên cứu vẫn cứ là một chức năng quan trọng, và chắc rằng nó sẽ giữ được vị trí hàng đầu của mình trong hệ thống thứ bậc về uy tín, nhưng giảng dạy cuối cùng vẫn đóng vai trò chính trong hoạt động của đa số các giáo chức, đang ngày một được coi trọng hơn.

Quyền tự chủ và trách nhiệm xã hội

Xác lập được một sự hòa hợp thích đáng giữa quyền tự chủ và trách nhiệm xã hội trong GDDH là một điều mang tầm quan trọng quyết định ở Mỹ và các nước khác. Các trường đại học phải có một mức độ tự chủ lớn nếu chúng có nhiệm vụ cung cấp sự giảng dạy sáng tạo và việc nghiên cứu hữu ích. Các yêu cầu của xã hội về trách nhiệm báo cáo, đặc biệt đối với các khoản chi tiêu tài chính, cũng phù hợp với luật lệ đặc biệt khi phân bổ hỗ trợ tài chính cho GDDH là do các nguồn ngân sách công mang lại. Một vấn đề nảy sinh là sự cân bằng giữa hai lợi ích này. Đội ngũ giáo chức phải được tự do giảng dạy trong các lớp học mà không phải chịu sự câu thúc của chính trị hay hệ tư tưởng. Cộng đồng đại học phải được tự do tiến đến các tuyến đầu của kiến thức, thậm chí nếu điều đó đôi khi có thể gây nên sự bối rối lớn cho nhà nước. Kiến thức không phải là một loại hàng hóa có thể kiểm soát được mà không gây cản trở khả năng sáng tạo. Đồng thời, các trường đại học không phải là những tháp ngà. Chúng hoạt động với tư

cách là những bộ phận không thể tách rời của xã hội và có trách nhiệm giảng dạy, nghiên cứu và phục vụ các đối tác cung cấp tài chính cho chúng. Kinh nghiệm của Mỹ cho thấy rằng các trường đại học sẽ nở rộ về mặt trí tuệ và tài chính khi chúng có những mối liên hệ với xã hội nhưng đồng thời cũng có quyền tự do theo đuổi những ý tưởng mới trong lớp học và phòng thí nghiệm. Hiện tại, các trường đại học vẫn có một mức độ tự chủ đáng kể, đồng thời các trường đại học nghiên cứu có uy tín cao hơn thì có quyền tự chủ nhiều hơn các trường khác. Tuy nhiên, thập niên vừa qua đã chứng kiến có một sự xâm nhập chậm rãi nhưng liên tục của giới chức trách nhà nước vào hoạt động của GDDH, bắt chước hệ tư tưởng chính trị của các bang liên quan hay của chính phủ liên bang ở Washington.

Hoạt động phục vụ

Vai trò của trường đại học trong việc trực tiếp phục vụ xã hội - đối với chính phủ, các ngành công nghiệp, nông nghiệp, liên đoàn lao động và các tổ chức vì lợi ích của công chúng - là rất quan trọng đối với nền GDDH Hoa Kỳ. Truyền thống này bắt đầu có từ khi thành lập các viện đại học bang ở thế kỷ XIX, với sự cam kết mạnh mẽ và trực tiếp là sẽ hỗ trợ cho sự phát triển của cộng đồng.

Các viện đại học cũng tích cực thu hút các hợp đồng nghiên cứu ký kết với các cơ quan chính quyền và khu vực tư nhân về cả các nghiên cứu thuần túy và ứng dụng. Ngày càng có nhiều trường đại học ký kết các thỏa thuận dài hạn với các công ty công nghiệp có tài trợ cho nghiên cứu ở trường đại học. Các trường này phải cam kết là các nguồn kinh phí đó sẽ được kiểm soát từ đầu đối với mọi kết quả nghiên cứu có lợi về mặt thương

ại. Các giáo sư cũng tham gia vào hàng loạt các hoạt động phục vụ cộng đồng, tư vấn riêng cho các ngành khác hay các cơ quan chính phủ hoặc phi chính phủ. Các trường đại học có nhiều biện pháp để thực hiện chính sách phát huy các hoạt động phục vụ. Giáo chức được phép dành một phần thời gian của họ cho các hoạt động tư vấn có lợi nhuận và được khuyến khích tham gia vào hoạt động phục vụ không trả lương. Các thủ tục đánh giá để thăng cấp hay bổ nhiệm cũng tính đến thành phần hoạt động phục vụ, mặc dù thông thường thì nó được đánh giá thấp hơn hai thành phần khác là giảng dạy và nghiên cứu. Chính sách tài chính của trường đại học khuyến khích các giáo sư cũng như các khoa và viện nghiên cứu tìm kiếm thêm các nguồn tài trợ ngoài trường và cho phép họ tham gia vào các mối quan hệ với các cơ quan ngoài trường để nghiên cứu và phục vụ theo các thể lệ khá rộng rãi.

Các dịch vụ dành cho sinh viên

Các trường đại học Mỹ không chỉ giáo dục sinh viên mà còn cung cấp cho họ nhiều loại dịch vụ khác nhau, từ các phương tiện chăm sóc sức khỏe và giải trí đến các hoạt động phục vụ tín ngưỡng ở một số trường tư. Ngược lại, truyền thống châu Âu lại cho rằng sinh viên là những người đã trưởng thành và các trường đại học không liên quan gì đến việc cung cấp các dịch vụ như vậy. Quan niệm *in loco parentis* (trường đại học hành động ở vị trí của phụ huynh) là rất quan trọng đối với GDDH Hoa Kỳ ngay từ lúc mới ra đời, trao cho các trường đại học trách nhiệm đối với cuộc sống ngoại khóa của sinh viên cũng như các khía cạnh chủ yếu trong hành vi của họ. Bộ máy phục vụ sinh viên của hầu hết các trường đại học Mỹ là rất

lớn và rất phức tạp. Trường đại học phải tuyển dụng đội ngũ các nhân viên được đào tạo đặc biệt trong nhiều lĩnh vực để đảm trách công việc. Ở nhiều trường, sinh viên phải trả phí cho các dịch vụ này.

Ổn định và thay đổi

Hơn một thế kỷ vừa qua, hệ thống giáo dục Mỹ có một sự kết hợp khá độc đáo giữa tính ổn định, thậm chí là bảo thủ, và khả năng điều chỉnh đối với những yêu cầu và phương hướng mới. Tình trạng này không phải là kết quả của việc kế hoạch hóa cẩn thận mà là của sự tiến hóa. Cấu trúc tổ chức cơ bản của GDDH Hoa Kỳ đã không thay đổi trong gần một thế kỷ. Khi đối diện với các tình huống mới, các trường đại học truyền thống hoặc phải điều chỉnh bằng cách bổ sung thêm các chức năng mới mà không thay đổi tính chất cơ bản của trường, hoặc phải xây dựng các phân ban hoặc viện hoàn toàn mới.

Mặc dù được cải tiến theo định kỳ, các trường đại học vẫn duy trì chương trình đào tạo cấp đại học truyền thống của chúng, nhấn mạnh giáo dục nhân văn tự do và giáo dục đại cương trong vòng hơn một thế kỷ. Trong suốt thập niên 1960, nhiều trường đại học cho phép sinh viên được lựa chọn chương trình đào tạo nhiều hơn, đáp ứng phong trào hoạt động của sinh viên trong thời kỳ này. Trong thập niên 1980, sinh viên ngày càng quan tâm đến đào tạo nghề nghiệp và các trường đại học đã đáp ứng mong muốn đó. Xu hướng của thập niên 1990 là tái lập chương trình đào tạo nhân văn tự do truyền thống ở cấp đại học, đảm bảo cho sinh viên có thể tiếp cận với nhiều chuyên ngành và triển vọng khác nhau như là một phần của giáo dục cấp đại học của họ.

Do không có một kế hoạch tổng thể quốc gia cho GDDH và do các trường

đại học có mức độ tự chủ khá cao nên những thay đổi đã diễn ra theo những hình thức khác nhau ở các trường khác nhau. Điều này giúp duy trì được sự đa dạng đáng kể trong hệ thống GDDH. Thậm chí, ở các bang có áp dụng việc lập kế hoạch tổng thể cho GDDH trên toàn hệ thống, thông thường vẫn có sự khác nhau khá lớn giữa các trường. Theo mô hình kiểu Mỹ, thay đổi về học thuật diễn ra không theo một kế hoạch tập trung, nhưng không phải là thiếu phương hướng.

Nghịch cảnh và sự phục hồi

GDDH Hoa Kỳ đã phải đối mặt với rất nhiều vấn đề trong thập niên 1980 và đầu thập niên 1990, rồi bước vào một thời kỳ hưng thịnh hơn vào cuối thập niên đó. Trong thập niên 1980, các vấn đề về tài chính trước hết do lạm phát kết hợp với sự xuống dốc về kinh tế và sau đó do những thay đổi trong cách suy nghĩ về các khoản chi phí công đã tạo nên những vấn đề nghiêm trọng đối với GDDH. Những khó khăn về tài chính đã gây nên những vấn đề nghiêm trọng đối với nhiều trường đại học.

Các trường đại học đã giải quyết những vấn đề đó bằng cách nào? Do chính phủ cắt giảm tài trợ dành cho GDDH nên các trường đã nâng cao mức học phí. Chi phí học đại học tăng cao ở cả khu vực công và tư. Các trường đại học đã phải giảm các khoản chi tiêu. Trong hầu hết các trường hợp, các khoản cắt giảm được thực hiện ở phần biên của các chương trình học tập. Các trường ít khi thay đổi nhiều về các chương trình hay các mục đích ưu tiên để tiết kiệm tiền. Thêm vào đó, đội ngũ viên chức phục vụ bị cắt giảm, việc thuê nhân lực bổ sung bị đình chỉ, tiền lương ngừng tăng, giáo chức bán thời gian thay thế cho giáo chức toàn thời gian, thư viện không đủ khả năng mua sách và các loại tạp chí bị cắt. Vậy nhưng chỉ có

một số ít trường đại học vi phạm quy tắc bổ nhiệm đội ngũ giáo chức thâm niên. Các khoa ít khi bị hạn chế, thậm chí đối với các khoa có số sinh viên nhập học thấp. Các nhà quản lý cố gắng "bảo vệ đội ngũ giáo chức", thậm chí điều đó ảnh hưởng nhiều đến việc lập kế hoạch hợp lý hoặc đến sự phát triển của nhà trường. Một số ít trường đại học tư yếu nhất đã bị sáp nhập hoặc đóng cửa. Hầu như không có một trường đại học công nào phải đóng cửa, thậm chí ở những nơi mà việc sáp nhập hay đóng cửa các trường đại học là những điều được quan tâm nhiều nhất của hệ thống toàn bang.

Đến giữa thập niên 1990, các điều kiện dành cho GDDH đã được cải thiện. Nền kinh tế đi vào một thời kỳ hưng thịnh chưa từng thấy từ trước đến nay với mức lạm phát thấp. Việc xuất hiện các giới có quyền lực kinh tế như các công ty công nghệ sinh học và công nghệ thông tin, là những cơ sở phải lệ thuộc nhiều vào các trường đại học về nghiên cứu và đào tạo, đã hỗ trợ cho GDDH. Sự bùng phát của thị trường chứng khoán đã làm gia tăng giá trị các khoản kinh phí tài trợ dành cho nhiều trường đại học và khiến các trường dễ dàng quyên góp tiền từ các cựu sinh viên và các đối tượng khác. Thậm chí sự phát triển nhân khẩu cũng hỗ trợ các trường đại học - sự gia tăng tạm thời các nhóm sinh viên trong độ tuổi do "âm hưởng của sự bùng phát trẻ em" đã làm tăng mạnh sĩ số sinh viên đại học. Ở khu vực công, một số bang trước đây phải đối đầu với những khó khăn trầm trọng về tài chính dẫn đến việc cắt giảm ngân sách và thu hẹp việc phân phối kinh phí cho GDDH trong thập niên 1980 thì nay bắt đầu phục hồi một số khoản đã mất.

Kết luận

Bài viết này cung cấp một cái nhìn tổng quan về GDDH Hoa Kỳ, xem xét

những điểm mạnh và điểm yếu của toàn hệ thống. Đại học Mỹ là một hình mẫu đối với các nước khác trên thế giới. Các trường đại học nước ngoài thể hiện sự ngưỡng mộ đối với vị trí dẫn đầu của Mỹ trong nghiên cứu, đối với khả năng đảm bảo tuyển sinh đại học rộng rãi trong khi vẫn duy trì được chất lượng cao, đối với khả năng thích ứng của các trường đại học Mỹ, đối với sức sống của khu vực đại học tư và đối với cánh cửa mở rộng của GDDH Hoa Kỳ cho sinh viên và học giả trên toàn thế giới.

Người Mỹ có thể được an ủi nhiều từ sự kính trọng cao của toàn thế giới dành cho nền GDDH Hoa Kỳ. Thực vậy, nhìn thấy một hình ảnh chính xác của hệ thống giáo dục của riêng đất nước mình có thể là rất hữu ích. Đồng thời, xu hướng không quan tâm đến các nước khác trên thế giới của Mỹ sẽ không giúp chúng ta nhiều trong một xã hội toàn cầu hóa. Rất có thể có những bài học cần tiếp thu từ những cách tiếp cận mới trong việc đánh giá giảng dạy và nghiên cứu ở Anh, từ cuộc cải cách về quản lý ở Hà Lan, hay từ những nỗ lực giải phóng các viện đại học quốc gia Nhật Bản khỏi Bộ Giáo dục. Cũng có thể là rất hữu ích khi nghiên cứu các hệ thống GDDH khác mà phần lớn thuộc về khu vực tư, như là các hệ thống ở Hàn Quốc, Philippines hoặc Nhật Bản. Nói tóm lại, trong khi có rất nhiều điều ở hệ thống GDDH Hoa Kỳ mà các nước khác trên thế giới có thể học hỏi thì cũng có những bài học bổ ích mà chúng ta có thể học hỏi từ nước ngoài ■

Người dịch: Đỗ Thị Diệu Ngọc

Nguồn: The American Academic Model in Comparative Perspective by Philip G. Altbach (from In Defense of American Higher Education, edited by Philip G. Altbach, Patricia J. Gumpert and D. Bruce Johnstone, Johns Hopkins Press).